BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

KỶ YẾU

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

HỘI NGHỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC LẦN THỨ XI

Hòa Bình, tháng 5 - 2006

Bộ trưởng Bộ KH&CN Hoàng Văn Phong về thăm và làm việc tại tỉnh Hòa Bình

ẢnhTL

Bộ trưởng Hoàng Văn Phong trao tặng kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp khoa học và công nghệ" cho đ/c Trần Lưu Hải - Bí thư tỉnh ủy và đ/c Hoàng Việt Cường - Phó bí thư thường trực tỉnh ủy Hòa Bình

ẢnhTL

Đ/c Nguyễn Hữu Duyệt phó chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bìn chủ trì hội nghị giới thiệu chợ công nghệ và thiết bị

Ảnh

49125

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2005 VÀ CÁC NHIỆM VỤ KH&CN CHỦ YẾU NĂM 2006 CỦA TỈNH BẮC GIANG

(Báo cáo tại Hội nghị giao ban vùng miền núi phía Bắc năm 2006 tại Hoà Bình)

***ThS.* HÀ VĂN QUÊ**
Giám đốc Sở KH&CN Bắc Giang

Bắc Giang là một tỉnh miền núi thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam với diện tích đất tự nhiên 382.200 ha, trong đó đất nông nghiệp 123.733 ha. Dân số trên 1,5 triệu người, sống chủ yếu ở khu vực nông thôn. Bắc Giang nằm trên trục giao thông chính nối liền với nhiều vùng kinh tế trọng điểm; có 1 thành phố và 9 huyện. Địa hình Bắc Giang đa dạng, nhiều đồi núi thấp và hình thành hai vùng núi phía Đông và phía Tây Bắc, có nhiều sông ngòi chảy qua như sông Thương, sông Cầu, sông Lục Nam; có hệ thống suối, hồ trữ nước như hồ Cấm Sơn, hồ Khuôn Thần, suối Mỡ,... cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

Là tỉnh với khoảng 90% dân số sống ở nông thôn, hiện nay sản xuất nông nghiệp vẫn là mặt trận hàng đầu của tỉnh. Bên cạnh đó, Bắc Giang có nhiều làng nghề từ cùng truyền thống như: rượu Làng Vân, bánh đa Kế, Giốm Thổ Hà, mỳ gạo Chũ, bún Đa Mai, mây tre đan Tăng Tiến,... các sản phẩm được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Trong những năm gần đây, kinh tế Bắc Giang đã có bước phát triển khá, tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm 43,5 %, công nghiệp - xây dựng chiếm 22%, dịch vụ chiếm 34,5%. Thu ngân sách Nhà nước năm 2005 đạt gần 500 tỷ đồng, cao nhất từ trước tới nay. Kim ngạch xuất khẩu năm 2005 đạt 60 triệu USD. Bắc Giang hiện được xếp là một trong 7 tỉnh dẫn đầu cả nước về chất lượng giáo dục. Tuy đạt được kết quả như vậy, nhưng nhìn chung kinh tế của Bắc Giang còn gặp nhiều khó khăn, nguồn thu ngân sách địa phương chưa đảm bảo được nhu cầu chi ngân sách của tỉnh (chi ngân sách của tỉnh năm 2005 là 1.776 tỷ đồng). Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu. Việc phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến còn lúng túng, nghề thủ công truyền thống chậm phát triển theo hướng sản xuất hàng hoá. Những sản phẩm đạt chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế còn yếu.

* Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN: Sở KH&CN Bắc Giang có 4 phòng và 3 đơn vị trực thuộc là Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Tổng số cán bộ CNVC của Sở 67 người, trong đó 40 cán bộ chính thức trong biên chế, 2 công chức dự bị và 25 lao động hợp đồng. Hầu hết cán bộ có trình độ từ đại học, trong đó có 1 tiến sĩ, 6 thạc sỹ và 3 người đang theo học chương trình thạc sỹ.

Hoạt động quản lý KH&CN ở cấp huyện trong năm qua đã dần ổn định và đi vào nề nếp. Bắc Giang có 2 huyện là Hiệp Hoà và Tân Yên thành lập Trung tâm KHCN&MT trực thuộc UBND huyện; 8 huyện, Thành phố còn lại nhiệm vụ quản lý nhà nước về KH&CN được đặt tại Phòng Nông nghiệp hoặc phòng Kinh tế của huyện. Năm 2005, bằng nguồn vốn sự nghiệp Khoa học được cấp, các cơ quan quản lý KH&CN ở các huyện, thành phố đã hỗ trợ xây dựng nhiều mô hình cánh đồng có thu nhập 50 triệu đồng/ ha; tổ chức trên 80 lớp tập huấn TBKT về xây dựng hầm khí biogas, lò sấy vải cải tiến, sản xuất nấm ăn, nuôi bò lai Sin, lợn hướng nạc, cải tạo vườn tạp, nuôi trồng cây, con đặc sản.. cho hàng ngàn lượt người tham gia. Phối hợp với các bộ phận nghiệp vụ của Sở tiến hành thanh tra, kiểm tra về TC- ĐL- CL và SHTT. Hoạt động Cân đối chứng ở các chợ được chú trọng và phát huy hiệu quả tốt.

Tuy nhiên, hoạt động quản lý KH&CN ở các huyện, thành phố thời gian qua vẫn còn gặp nhiều khó khăn như: Cán bộ làm công tác KH&CN thiếu và thường không ổn định, chưa được đào tạo chuyên sâu nghiệp vụ quản lý KH&CN; Hoạt động của Hội đồng KH&CN chưa phát huy mạnh trong việc tư vấn định hướng phát triển KHCN ở địa phương; một số huyện còn lúng túng trong công tác tổ chức, phân công nhiệm vụ nên hiệu quả chưa cao.

I- KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2005

1- Công tác tham mưu, tư vấn

Năm 2005, Sở KH&CN đã chủ động phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ và các ngành, tham mưu để trình Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, UBND tỉnh ban hành một số văn bản về KH&CN, gồm:

- Quyết định số 23/2005/QĐ-UB ngày 11/4/2005 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chế độ khuyến khích các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, cácdoanh nghiệp đoạt giải thưởng chất lượng, các doanh nghiệp được chứng nhận chất lượng hàng hoá phù hợp tiêu chuẩn;

- Quyết định số 69/2005/QĐ-UB ngày 8/9/2005 của UBND tỉnh quy định về quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh thay thế Quyết định 478/QĐ- UB ngày 5/7/1997 của UBND tỉnh);

- Quyết định số 931/QĐ- UB ngày 26/5/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án Cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế "một cửa" của Sở KH&CN.

- Kế hoạch số 72/KH-TU ngày 14/7/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ thực hiện Chỉ thị số 50/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh;

- Báo cáo số 215/BC-TU ngày 6/9/2005 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về thực trạng tình hình thực hiện chính sách đối với đội ngũ trí thức khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh, đề xuất các giải pháp chính sách đối với đội ngũ trí thức khoa học công nghệ trong thời kỳ CNH, HĐH.

- Quyết định số 194/QĐ-UB ngày 17/2/2005 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục 25 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh thực hiện năm 2005.

- Báo cáo tình hình công nghệ thông tin của tỉnh giai đoạn 2001 - 2005, phương hướng nhiệm vụ 2006 - 2010.

2- Công tác quản lý khoa học và triển khai thực hiện các đề tài, dự án

Năm 2005 tổng kinh phí hoạt động sự nghiệp KH&CN của tỉnh Bắc Giang là 6.333 triệu đồng, trong đó kinh phí dành cho đề tài, dự án là 3.650 triệu đồng. Ngoài nguồn kinh phí sự nghiệp trên còn một số nguồn khác như các dự án hợp tác với tổ chức DED của Cộng hoà Liên bang Đức, dự án KH&CN cấp nhà nước triển khai trên địa bàn tỉnh... Chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp KH&CN của tỉnh năm 2005 từ các nguồn đạt khoảng 0,6% tổng chi ngân sách tỉnh.

Năm 2005 có 42 đề tài, dự án KHCN cấp tỉnh được triển khai thực hiện (17 đề tài, dự án chuyển tiếp); trong đó, các đề tài, dự án trong lĩnh vực nông nghiệp PTNT là 16, lĩnh vực công nghiệp TTCN là 9; lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá xã hội là 17. Sở KH&CN đã tổ chức các hội đồng khoa học nghiệm thu 20 đề tài, dự án. Nhiều đề tài có kết quả khá và bám sát vào các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương. Kết quả các đề tài, dự án đã được biên tập tóm tắt để xây dựng kỷ yếu và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. Việc kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các đề tài, dự án được làm thường xuyên đã kịp thời chấn chỉnh sai sót cũng như giải quyết những vướng mắc, khó khăn cho các chủ đề tài, dự án. Năm 2005 Sở KH&CN đã tổ chức 7 đoàn công tác để các thành viên Hội đồng KH&CN tỉnh kiểm tra trực tiếp một số đề tài, dự án đang thực hiện.

* Một số kết quả nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống

- *Lĩnh vực nông - lâm nghiệp:* Thông qua việc triển khai các dự án KHCN xây dựng mô hình phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, kỹ thuật thâm canh, sử dụng hợp lý đất đai, phòng trừ sâu bệnh... đã góp phần đưa năng suất cây trồng của tỉnh không ngừng tăng. Các giống lúa thuần và lúa lai như Khang dân 18, Xi23, AYT 77, Nhị ưu 63, Nhị ưu 838, CV 1.... các giống ngô lai DK999,

Bioseed 9681, NQ2000; các giống lạc MD7, N/ID9, Li4, Li8; giống đậu tương DT99... tiếp tục được đưa vào trồng trong các mô hình đã cho hiệu quả tốt, thay thế các giống cũ ở địa phương.

Trong chăn nuôi, các đề tài, dự án đã được triển khai như: ứng dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất ong giống (ong Ý), xây dựng mô hình chế biến mật ong chất lượng cao tại Lục Ngạn; ứng dụng KHCN phát triển chăn nuôi bò thịt tại huyện Lục Nam; mô hình thâm canh thuỷ sản tại các huyện : Việt Yên, Hiệp Hoà, Tân Yên... bước đầu cho kết quả khả quan.

Trong lâm nghiệp và phát triển trồng rừng, các đề tài: Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và phát triển của giống trầm hương (Aquilaria crassna Pirre) ở Bắc Giang; Nghiên cứu thử nghiệm gieo ươm và gây trồng một số loại cây bản địa tại khu vực bảo tồn Tây Yên Tử đã góp phần ứng dụng có hiệu quả công nghệ giâm hom, ghép mắt để nhân giống cây lâm nghiệp phục vụ cho chương trình trồng rừng của tỉnh.

Bên cạnh việc áp dụng các tiến bộ KH&CN về giống, trong thời gian qua nhiều tiến bộ kỹ thuật khác trong lĩnh vực nông nghiệp - PTNT tiếp tục được áp dụng và đem lại hiệu quả cao, như: kỹ thuật trồng lạc che phủ ni lông, trồng dưa hấu, cà chua giống mới, đậu tương hè, sản xuất nấm ăn; ứng dụng công nghệ xây hầm khí biogas, bếp tiết kiệm nhiên liệu, sử dụng chế phẩm EIVI... đã cho hiệu quả tốt.

- *Lĩnh vực công nghiệp - TTCN:* Năm 2005 tiếp tục được tỉnh chọn là năm phát triển công nghiệp và ngành nghề nông thôn, các hoạt động nghiên cứu - ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực này được quan tâm, đẩy mạnh.

Nhiều đề tài, dự án được thực hiện nhằm phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất, chất lượng hạ giá thành sản phẩm, như: ứng dụng công nghệ bảo quản và chế biến hồng khô tại huyện Lục Ngạn; nghiên cứu chế tạo máy hàn cao tần, nâng cao hiệu suất sử dụng điện năng và giảm chi phí nguyên vật liệu; ứng dụng công nghệ dây chuyền ép rung tiên tiến để sản xuất ngói màu chịu lực cao; ứng dụng công nghệ chưng cất mới để tinh chế rượu Làng Vân đạt chất lượng cao; ứng dụng công nghệ lò nung gốm, sứ cao cấp kiểu lò bông của Cộng hoà Liên bang Đức.

- *Lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa - xã hội:* Thông qua các đề tài, dự án điều tra, nghiên cứu, đề xuất giải pháp đã góp phần đưa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, tiếp tục làm rõ hơn cơ sở khoa học phục vụ cho công tác quản lý của các cơ quan, ban ngành của tỉnh. Các đề tài bước đầu được đánh giá có hiệu quả như: Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng bộ cơ sở ở các xã miền núi tỉnh Bắc Giang; điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp về công tác dân vận tham gia giải quyết điểm phức tạp ở địa bàn nông thôn; nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm ngăn ngừa, hạn chế tệ nạn và tội phạm ma tuý trên địa bàn tỉnh...

Trong lĩnh vực y tế, các kết quả nghiên cứu và ứng dụng của các đề tài, dự án đã góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng công tác điều trị, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, như: Nghiên cứu các giải pháp phòng chống lao trong cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh; Nghiên cứu, ứng dụng biện pháp tránh thai bằng cấy thuốc tránh thai Implanon cho phụ nữ tỉnh Bắc Giang . . .

- *Đối với các dự án KH&CN cấp Nhà nước triển khai trên địa bàn tỉnh*: Sở KH&CN đã hoàn tất hồ sơ và tổ chức nghiệm thu với Bộ KH&CN 2 dự án cấp Nhà nước gồm: Dự án Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến rau, củ, quả thành các sản phẩm chiên và nước quả tươi thực hiện tại Công ty Cổ phần Thuốc lá và Thực phẩm Bắc Giang; Dự án Xây dựng mô hình trồng dâu nuôi tằm giống mới, ươm tơ theo công nghệ mới tại một số xã ven sông Cầu huyện Hiệp Hoà. Kết quả nghiệm thu cả 2 dự án đều được đánh giá đạt loại khá.

Năm 2005 Bộ KH&CN đã tiếp tục phê duyệt cho triển khai thực hiện dự án cấp nhà nước "Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN phát triển chăn nuôi bò thịt tại huyện Hiệp Hoà" với số kinh phí hỗ trợ 1,4 tỷ đồng và đưa triển khai trên địa bàn 6 xã của huyện Hiệp Hòa.

Thông qua việc triển khai thực hiện các đề tài, dự án KH&CN cấp nhà nước, cấp tỉnh, cấp ngành; năm 2005 trên địa bàn tỉnh đã có trên 20 ngàn lượt người dân được tập huấn, tiếp thu những kiến thức mới về khoa học kỹ thuật để ứng dụng vào thực tiễn phát triển kinh tế ở gia đình, địa phương mình.

3- Các nhiệm vụ khác

Năm 2005 phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa bàn tỉnh được quan tâm, Sở KH&CN đã phối hợp với các ngành tổ chức Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Bắc Giang lần thứ nhất. Hội thi đã lựa chọn 64 giải pháp dự thi của các tác giả và nhóm tác gia tham dự vòng chung khảo. Trên cơ sở kết quả chấm thi của Hội đồng giám khảo, Ban tổ chức Hội thi đã quyết định trao giải thưởng cho 39 giải pháp. Từ kết quả của Hội thi, Sở KH&CN đã lựa chọn 18 giải pháp đăng ký tham dự Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ VIII do Liên Hiệp các hội KHKT Việt Nam tổ chức. Thực hiện Đề án xây dựng thương hiệu cho một số sản phẩm hàng hoá đặc sản của tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, Sở KH&CN phối hợp với các ngành của tỉnh xây dựng thương hiệu cho các hàng hoá: Vải thiều Lục Ngạn, rượu Làng Vân, Mây tre đan Tăng Tiến, gốm Thổ Hà... Hướng dẫn 5 doanh nghiệp tham gia Hội chợ thương hiệu nổi tiếng năm 2005 tại Hà Nội, kết quả sản phẩm rượu Làng Vân của Bắc Giang đã được công nhận là hàng hoá có thương hiệu nổi tiếng. Năm 2005 Sở KH&CN đã tư vấn và hướng dẫn thủ tục cho 20 doanh nghiệp tham gia bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá, 2 doanh nghiệp bảo hộ kiểu dáng công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Đến nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã có 126 hàng hoá được Cục Sở hữu trí tuệ cấp bảo hộ về nhãn hiệu hàng hoá và kiểu dáng công nghiệp.

- Chi cục TCĐLCL đã hướng dẫn và tiếp nhận 35 bản công bố tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá của doanh nghiệp; hướng dẫn 2 đơn vị tham gia giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2005. Hướng dẫn và hỗ trợ 2 doanh nghiệp triển khai việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000; 20 cơ sở xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở. Tổ chức kiểm tra hoạt động cân đối chứng tại 60 chợ trên địa bàn các huyện, thành phố.

- Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN đã mở 10 lớp đào tạo về tin học cho cán bộ các cơ quan trên địa bàn tỉnh. Tổ chức 18 lớp đào tạo về CNTT trong chương trình đề án 112 của Chính phủ. Biên tập và phát hành 6 số tạp chí KH&CN với số lượng 3.000 cuốn, ấn phẩm được phát hành tới các điểm Bưu điện- văn hoá xã; xuất bản 20.800 bản tin chọn lọc phục vụ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý của tỉnh. Phát hành 10.000 cuốn lịch KHCN phục vụ công tác chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và đời sống. Xuất bản 1.200 cuốn quy trình sản xuất nấm ăn. Phối hợp với Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh xây dựng 48 chuyên mục thông tin, tuyên truyền về các tiến bộ KH&CN áp dụng trên địa bàn tỉnh.

II - MỘT SỐ KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, hoạt động KH&CN năm 2005 vẫn còn một số khó khăn, tồn tại, đó là:

- Hoạt động nghiên cứu ứng dụng KH&CN của tỉnh mặc dù đã bám sát mục tiêu của các Chương trình phát triển KT-XH và đã có đóng góp cho phát triển KT - XH của tỉnh, song chưa thực sự trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển KT- XH; việc tổ chức ứng dụng, nhân rộng các mô hình KH&CN, các đề tài khoa học đã có kết luận còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Cơ chế quản lý và tổ chức hoạt động KH&CN, quy trình đề xuất, lựa chọn các đề tài, dự án để thực hiện trong năm kế hoạch còn có những bất cập, cần được sửa đổi. Tiến độ trình duyệt, nghiệm thu các đề tài, dự án còn chậm. Một số đề tài, dự án khi xây dựng đề cương chi tiết thiếu thực tế, khảo sát sơ sài nên khi tổ chức thực hiện gặp nhiều khó khăn, không bảo đảm tiến độ. Một số chủ nhiệm dự án không nghiêm túc thực hiện giao nộp vốn B theo qui định.

Hiệu quả sử dụng mạng thông tin nội bộ (LAN) của Sở chưa cao. Trang thông tin điện tử còn chậm được cải tạo, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin hiện nay.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu thốn, không đáp ứng được nhu cầu của nhiệm vụ quản lý: Phòng làm việc ở hầu hết các đơn vị trong Sở còn trật chội; trang thiết bị

của các phòng kiểm định, thử nghiệm còn thiếu và lạc hậu, không đạt các tiêu chuẩn quy định.

- Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN,Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN còn có nhiều khó khăn về trụ sở, mặt bằng nghiên cứu thử nghiệm, nguồn nhân lực còn hạn chế cho nên các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm và thông tin KH&CN đạt kết quả chưa cao.

III- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KH&CN NĂM 2006

1- Phương hướng

Tăng cường ứng dụng khoa học-công nghệ, đổi *mới* và nâng cao trình độ công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp cũng như dịch vụ nhằm tăng năng suất lao động, hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá sản xuất trong tỉnh. Chú trọng chuyển giao khoa học - công nghệ tới các xã đặc biệt khó khăn. Triển khai Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư, tiếp tục triển khai ứng dụng có hiệu quả các thành tựu về công nghệ sinh học. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Quyết định 122/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng mô hình ứng dụng KHCN vào phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 2006- 2010.

- Phát huy tốt vai trò quản lý hoạt động khoa học công nghệ của các cơ quan nhà nước, vai trò là cầu nối chuyển giao thành tựu khoa học trong nghiên cứu vào thực tiễn đời sống của các cơ quan ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ. Nghiên cứu xây dựng và triển khai một số cơ chế, chính sách thu hút và khuyến khích nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng hệ thống văn bản áp dụng Luật KH&CN trên địa bàn tỉnh.

2- Nhiệm vụ

2.1- *Hoạt động nghiên cứu- ứng dụng KH&CN vào sản xuất và đời sống*

- *Lĩnh vực nông, lâm nghiệp và PTNT:* ứng dụng các giống cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày,... có năng suất cao, chất lượng tốt, có giá trị kinh tế (ưu tiên cho nhóm cây hàng hoá của tỉnh); áp dụng các công thức luân canh, các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến phù hợp với địa phương; nhân rộng các mô hình cánh đồng có thu nhập cao; mô hình sản xuất hoa hàng hoá chất lượng cao; phát triển nghề trồng nấm ăn, nấm dược liệu trên địa bàn; nghiên cứu phát triển các loại cây ăn quả có múi có giá trị kinh tế cao; xây dựng và nhân rộng mô hình ứng dụng KH&CN nhằm phát triển chăn nuôi hộ gia đình theo hướng sản xuất hàng hoá, ưu tiên phát triển đàn ong mật, bò thịt, cá chim trắng, cá chép lai 3 máu, cá rô phi đơn tính, ếch lồng...; ứng dụng công nghệ nhân giống vô tính để phục vụ trồng rừng kinh tế; xác định các loại cây lâm nghiệp có hiệu quả kinh tế cao thay thế các loại cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp;